

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2018

Số: 66/2018/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH GIẢI QUYẾT VIỆC
YÊU CẦU CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 76 /2018/TLST-HNGĐ
ngày 23 tháng 01 năm 2018, giữa:

Người yêu cầu

- **Chị Vũ T N**, sinh năm: 1969.

Đăng ký HKTT: P2 - N1 Tập thể N Đ, phường NĐ, quận ĐĐ, Hà Nội.

Nơi cư trú: Số 2/74/29 phố V T, tổ 81 phường C D, quận ĐĐ, Hà Nội.

- **Anh Vũ C T**, sinh năm: 1969.

Đăng ký HKTT: P2 - N1 Tập thể NĐ, phường NĐ, quận ĐĐ, Hà Nội.

Nơi cư trú: Số 2/74/29 phố V T, tổ 81 phường C D, quận ĐĐ, Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213; khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định
về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25
tháng 01 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản
ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 01 năm 2018 là hoàn
toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và
hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa :

Chị Vũ T N và anh Vũ C T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về hôn nhân:** Chị Vũ T N và anh Vũ C T xây dựng gia đình trên cơ sở tự
nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND phường ĐB, quận B Đ, Hà Nội chứng
nhận kết hôn vào ngày 03/10/2000.

Sau kết hôn chị N, anh T sống ở nhiều nơi khác nhau đến năm 2017 chuyển về
sống tại số 2/74/29 phố V T, tổ 81 phường C D, quận ĐĐ, Hà Nội.

Quá trình chung sống vợ chồng đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên
nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm
2015 cho đến nay. Nay chị N, anh T xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mâu
thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N, anh T
đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh, chị.

- **Về con chung:** Xác nhận chị N, anh T có 03 con chung là: Vũ C N A (nữ) sinh ngày 22/11/1996, Vũ C N T (nữ), sinh ngày 09/5/2002 và Vũ C T Th (nam), sinh ngày 09/5/2002. Ghi nhận sự thỏa thuận của chị N, anh T. Giao cho chị N là người trực tiếp nuôi cháu Vũ C N T và cháu Vũ C T Th. Ghi nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T cho đến khi nào chị N có yêu cầu hoặc khi có quyết định khác thay thế. Cháu N A đã đủ tuổi trưởng thành ở với ai do cháu tự quyết định.

Anh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

- **Về tài sản chung**(Động sản và bất động sản): Chị N, anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ:** Chị N, anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về lệ phí:** Ghi nhận sự tự nguyện của chị N chịu cả 300.000đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm. Chị N đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006732 ngày 23 tháng 01 năm 2018. Chị N đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND phường DB,B Đ, Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Đặng Thị Hương